TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH B THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 25-11-2022
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH B THUẬN

***- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Liễu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Tài-** ông **Võ Thanh Đức**

*Thư ký phiên tòa***:** Ông **Võ Chí Công** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh B Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh B Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự :

*Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh B, sinh năm 1954, (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi, B Thuận

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn
Ông Phan Thanh Hưng, Luật sư Văn phòng luật sư An Hưng, Đoàn luật sư tỉnh B Thuận, (có mặt)

* Bị đơn: Bà Lê Thị Xuân M, sinh năm: 1958(có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi,B Thuận

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Huỳnh Lê Thanh T, sinh năm 1984(có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi, tỉnh B Thuận

2. Huỳnh Lê S, sinh năm 1992(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi, tỉnh B Thuận

3. Huỳnh Thị Thanh H1, sinh năm 1987(có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi, tỉnh B Thuận

4. Huỳnh Lê Thanh H, sinh năm 1989(có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi, tỉnh B Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 5 năm 2021 và tại phiên tòa nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày;

Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 04/11/1982 tại UBND xã Tân H1, huyện Hm Tân, tỉnh Thuận H1 (cũ)Trong thời gian chung sống vợ chồng có 04 người con chung gồm có:

Huỳnh Lê Thanh T, sinh năm 1984,Huỳnh Thị Thanh H1, sinh năm 1987, Huỳnh Lê Thanh H, sinh năm 1989, Huỳnh Lê S , sinh năm 1992

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung 34 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Nguyên nhân là vì nguyên đơn bị mất sức lao động do thương tích của chiến tranh không thể phụ bị đơn phát triển kinh tế gia đình. Bị đơn không đồng cảm mà có thái độ xem thường, lôi kéo các con trong gia đình cô lập nguyên đơn. Từ tháng 9/2020 nguyên đơn đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, năm 1986 cha mẹ vợ có cho vợ chồng 01 thửa đất được UBND huyện Hm Tân cũ cấp Giấy CNQSD Đất số X 361858 ngày 25/3/2004 cấp cho hộ ông Huỳnh Thanh B. Thửa số 86, tờ bản đồ số 21, diện tích 372m^2 hiện tọa lạc tại khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi, trên đất có 01 căn nH cấp 4 diện tích xây dựng khoảng 110m^2. Sau ly hôn nguyên đơn yêu cầu bị đơn pH1 chia ½ tài sản là quyền sử dụng thửa đất nêu trên để nguyên đơn sử dụng. Đối tài sản trên đất là căn nH cấp 4 nguyên đơn không yêu cầu chia.

Về con chung: Vợ chồng có 04 người con chung Huỳnh Lê Thanh T, sinh năm 1984, Huỳnh Thị Thanh H1, sinh năm 1987, Huỳnh Lê Thanh H, sinh năm 1989, Huỳnh Lê S , sinh năm 1992. Các con hiện đã trưởng tHnh do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến bị đơn trình bày: Bị đơn thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân và con chung, nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn thì bị đơn đồng ý chấp nhận để giải thoát cho nhau .

Về tài sản chung: Nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 21, diện tích 372m^2 hiện tọa lạc tại khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi, Giấy CNQSD Đất số X 361858 ngày 25/3/2004 do UBND huyện Hm Tân cấp cho hộ ông Huỳnh Thanh B.

Đây là tài sản của cha mẹ bị đơn cho riêng bị đơn, tuy nhiên là vợ chồng nên bị đơn tin tưởng giao cho ông B làm thủ tục cấp giấy, trong quá trình làm giấy tờ thì ông B tự ý làm thủ tục cấp cho hộ. Bị đơn xác định đây là đất riêng của bị đơn, sau này bị đơn cho con nên không đồng ý chia tài sản. Chữ ký trong hồ sơ cấp đất không pH1 là chữ ký của bị đơn vì vậy đề nghị Tòa xem xét. Riêng căn nH của vợ chồng anh B nói diện tích 110m^2 là không đúng, căn nH chung diện tích xây dựng 4,5m x 7 mét.

Ý kiến người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Huỳnh Lê Thanh T, Ba mẹ ly hôn chị không có ý kiến, riêng về chia tài sản. Đây là tài sản của ông ngoại cho mẹ nên chị không muốn chia mà để lại cho các tHnh viên trong gia đình cùng sử dụng.

2. Huỳnh Lê S, không đồng ý chia tài sản.

3. Huỳnh Thị Thanh H1, Ba mẹ ly hôn chị không có ý kiến, riêng về chia tài sản. Đây là tài sản của ba mẹ chị không có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

4. Huỳnh Lê Thanh H, Ba mẹ ly hôn trong thời gian này thì chị không muốn , riêng về chia tài sản. Đây là tài sản cấp cho hộ gia đình nên chị không muốn chia mà để lại cho các tHnh viên trong gia đình cùng sử dụng

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn:

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp, tại phiên Tòa các đương sự thống nhất ly hôn nên đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn.

Về tài sản, nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 21, diện tích 372m^2 hiện tọa lạc tại khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi, Giấy CNQSD Đất số X 361858 ngày 25/3/2004 do UBND huyện Hm Tân cấp có diện tích thực tế theo đo đạt là 363,7m^2 là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Đất cấp cho hộ nhưng tại thời điểm xác lập năm 1986, hộ ông B chỉ có vợ chồng ông B và Huỳnh Lê Thanh T, sau khi xác lập thì hộ ông B mới có thêm 3 người con, các con của ông B, bà M còn nhỏ không có công sức đóng góp gì trong thửa đất 86 vì vậy đề nghị HĐXX chia cho ông B ½ thửa đất có diện tích theo đo đạc là 181,85m^2

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh B Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến; Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa HĐXX, những người tiến Hnh tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Với đương sự thì đã chấp Hnh đúng các quy định của pháp luật do đó VKS đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp, qua nội dung đơn khởi kiện và qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy: Vợ chồng ông bà sau kết hôn đã chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên thường xuyên cải vã xúc phạm nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó đại diện VKS thị xã Lagi

đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Cho ly hôn, về con đã trưởng tHnh nên không đề nghị xem xét.

Tài sản chung: Năm 1986 cha mẹ bị đơn có cho vợ chồng đương sự 01 thửa đất được UBND huyện Hm Tân cũ cấp Giấy CNQSD Đất số X 361858 ngày 25/3/2004 cho hộ ông Huỳnh Thanh B, thửa đất số 86, tờ bản đồ số 21, diện tích 372m^2 hiện tọa lạc tại khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi, trên đất có 01 căn nH cấp 4 diện tích xây dựng khoảng 110m^2. Bị đơn xác định, cha mẹ bị đơn cho riêng bị đơn nhưng bị đơn không có tài liệu chứng minh, Giấy CNQSD đất số X 361858 ngày 25/3/2004 do UBND huyện Hm Tân cấp cho hộ ông Huỳnh Thanh B nên lời khai ba mẹ cho riêng bị đơn là không có cơ sở. Ngoài ra, đất cấp cho hộ nhưng tại thời điểm xác lập năm 1986, hộ ông B chỉ có vợ chồng ông B và Huỳnh Lê Thanh T, sau khi xác lập thì hộ ông B mới có thêm 3 người con, các con của ông B, bà M còn nhỏ không có công sức đóng góp gì trong thửa đất 86 vì vậy cần xác định đây là tài sản chung của ông B và bà M trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Tòa án chấp nhận. Do đất có nguồn gốc là của cha mẹ bà M cho nên được xem bà M có công đóng góp nhiều hơn vì vậy đề nghị HĐXX chia cho bà M 243,6m^2, chia cho ông B 120,1m^2

Án phí, miễn án phí cho các đương sự theo quy định

Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 13/10/2022 thể hiện; Vợ chồng bà M ông B có mâu thuẫn là hai bên thường xuyên cải vã xúc phạm nhau, vợ chồng đã sống ly thân, mâu thuẫn quá trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Tại biên bản,thẩm định, định giá của Tòa án ngày 03/11/2021 thì giá trị đất nguyên đơn yêu cầu chia có giá trị 13.500.000 đồng/m^2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã L nhận định:

[1] *Về tố tụng*; Đây là vụ án tranh chấp " ly hôn, chia tài sản chung", bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thị xã L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã L theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*: Nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H1, huyện Hm Tân, tỉnh Thuận H1 (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không còn yêu thương chăm sóc cho nhau, vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau nặng nề. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày ngày 13/10/2022 thể hiện; Vợ chồng bà M ông B có mâu thuẫn là hai bên thường xuyên cải vã xúc phạm nhau, vợ chồng đã sống ly thân, mâu thuẫn quá trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc

Như vậy vợ chồng ông B, bà M đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân- gia đình.

Điều 19 Luật hôn nhân và Gia đình quy định tình nghĩa vợ chồng 1. *" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Do các bên đã vi phạm quy định trên, đây là căn cứ để HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình quy định *" Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không tHnh thì Toà án giải quyết cho ly hôn nêu có căn cứ về việc vợ, chồng có Hnh vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*

Tại phiên Tòa ông B và bà M thống nhất ly hôn, đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái với pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận.

[3] *Về nuôi con chung*: Các con chung của vợ chồng hiện đã trưởng tHnh nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về chia tài sản*:

Ông Huỳnh Thanh B có yêu cầu được chia ½ thửa đất số 86, tờ bản đồ số 21, diện tích 372m^2 (diện tích đo đạt theo thực tế là 363,7m^2) tọa lạc tại khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi, giấy CNQSD đất số X 361858 ngày 25/3/2004 do UBND huyện Hm Tân cấp cho hộ ông Huỳnh Thanh B. Xét yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn HĐXX nhận thấy, thửa đất ông B yêu cầu chia có nguồn gốc từ cha mẹ bị đơn ông Lê Văn Quý cho năm 1986, đến năm 2004 thì được UBND huyện Hm Tân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Với bị đơn xác định, cha mẹ bị đơn cho riêng bị đơn nhưng bị đơn không có tài liệu chứng minh nên HĐXX xác định, đây là tài sản hình tHnh trong thời kỳ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn nên được xem là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân gia đình. Do đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên nguyên đơn yêu cầu chia là phù hợp với quy định tại Điều 38 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[4.1] Xét giấy CNQSD đất số X 361858 ngày 25/3/2004 là cấp cho hộ gia đình, tại công văn số 400/CALG(QLHC) của Công an thị xã Lagi thì hộ gia đình ông Huỳnh Thanh B tại thời điểm ngày 25/3/2004 gồm có; chủ hộ bà Lê Thị Xuân M, các tHnh viên trong hộ gồm:

Huỳnh Thanh B, sinh năm 1954 chồng và các con, Huỳnh Lê Thanh T, sinh năm 1984; Huỳnh Thị Thanh H1, sinh năm 1987; Huỳnh Lê Thanh H, sinh năm 1989; Huỳnh Lê S, sinh năm 1992

Như vậy tại thời điểm cấp đất năm 2004, gia đình hộ ông Huỳnh Thanh B có tất cả 6 nhân khẩu, tuy nhiên khi xác lập quyền sử dụng đất các con chung của nguyên

đơn và bị đơn còn nhỏ chưa có khả năng lao động tạo thu nhập. Do không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 86 của nguyên đơn và bị đơn nên HĐXX xác định đây là tài sản của nguyên đơn và bị đơn nên không có căn cứ chia cho các con của nguyên đơn và bị đơn.

Xét công sức đóng góp của các bên để hình tHnh nên khối tài sản chung, về nguồn gốc, các đương sự đều thừa nhận là do cha mẹ bị đơn cho năm 1986, từ sau khi cho các đương sự sử dụng làm nH ở cho đến nay. Như vậy các đương sự chỉ có công sức duy trì và phát triển khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Do nguồn gốc thửa đất là của phía gia đình bị đơn cho nên HĐXX cần chia cho bị đơn một phần tài sản nhiều hơn nguyên đơn. Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 21, diện tích 372m^2 (diện tích đo đạt theo thực tế là 363,7m^2) hiện tọa lạc tại khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi. Giấy CNQSD đất số X 361858 do UBND huyện Hm Tân cấp ngày 25/3/2004 trong đó có 200 m^2 là đất ở và 172 m^2 đất quả, HĐXX cần chia cho nguyên đơn một diện tích đất 120,1m^2 trong đó có 70m^2 đất ở. Chia cho bị đơn phần đất còn lại có diện tích sử dụng là 243,6m^2 theo sơ đồ ngày 13/5/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Lagi là phù hợp. Riêng căn nH trên đất các đương sự không yêu cầu Tòa án chia nên HĐXX không xem xét.

Căn cứ biên bản định giá ngày 03/11/2021 thì giá trị đất nguyên đơn được HĐXX chia 120,1m^2 có giá trị 13.500.000 đồng/m^2. Nguyên đơn được chia 120,1m^2 x 13.500.000 đồng = 1.861.550.000 đồng. Bị đơn được chia 243,6m^2 x 13.500.000 đồng = 3.288.600.000 đồng.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh B là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí và án phí nên HĐXX miễn toàn bộ án phí.

Với bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên HĐXX miễn toàn bộ án phí về chia tài sản cho bị đơn.

Về chi phí tố tụng, ông Huỳnh Thanh B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ; Điều: 33, 55, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1.*Về hôn nhân*: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau: Ông Huỳnh Thanh B và bà Lê Thị Xuân M tự nguyện ly hôn.

2. *Về con chung*: Đã trưởng tHnh không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. *Về chia tài sản chung*:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh B

3.1- Chia cho ông Huỳnh Thanh B một diện tích đất 120,1m^2, trong đó có 70 m^2 đất ở, thuộc một phần thửa đất 86, tờ bản đồ số 21, diện tích 372m^2 (diện tích đo đạt theo thực tế là 363,7m^2) hiện tọa lạc tại khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi. Giấy CNQSD đất số X 361858 do UBND huyện Hm Tân cấp ngày 25/3/2004 đứng tên hộ Huỳnh Thanh B. Có đặc điểm; cạnh phía bắc giáp đường Hoàng Hoa Thám là 4,12m, cạnh phía nam giáp thửa đất số 175 là 4,13m, cạnh phía đông giáp thửa đất số 132 là 29,12m, cạnh phía tây giáp thửa 86 chia cho bà M. (Theo phần có ký hiệu số 2 sơ đồ ngày 13/5/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Lagi và kèm theo sơ đồ ngày 13/5/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Lagi)

3.2- Chia cho bà Lê Thị Xuân M một diện tích đất là 243,6m^2, trong đó có 130 m^2 đất ở, thuộc một phần thửa đất 86, tờ bản đồ số 21, diện tích 372m^2 (diện tích đo đạt theo thực tế là 363,7m^2) hiện tọa lạc tại khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã Lagi. Giấy CNQSD đất số X 361858 do UBND huyện Hm Tân cấp ngày 25/3/2004 đứng tên hộ Huỳnh Thanh B. Có đặc điểm; cạnh phía bắc giáp đường Hoàng Hoa Thám là 8,34m, cạnh phía nam giáp thửa đất số 175 là 8,32m, cạnh phía đông giáp thửa đất số 68 phần chia cho ông B, cạnh phía tây giáp thửa 134 là 29,44m. (Theo phần có ký hiệu số 1 sơ đồ ngày 13/5/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Lagi và kèm theo sơ đồ ngày 13/5/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Lagi)

Ông Huỳnh Thanh B và bà Lê Thị Xuân M có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. *Về án phí*:

Miễn toàn bộ án phí cho ông Huỳnh Thanh B và bà Lê Thị Xuân M

5. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Thanh B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 2.300.000 đồng (đã nộp đủ)

Các đương sự có mặt, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
TAND tỉnh B Thuận;
VKSND thị xã L;
Chi cục THADS thị xã L;
Đương sự;
Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Liễu